

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương pháp kiểm kê, đánh giá chất lượng vườn cây và suất đầu tư nông nghiệp của Công ty TNHH MTV cà phê cao Tháng 10

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá trị rừng trồng, vườn cây để sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các Công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của UBND tỉnh, về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cà phê cao Tháng 10;

Xét đề nghị của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 2596/SNN-KHTC ngày 15/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương pháp kiểm kê, đánh giá chất lượng vườn cây và suất đầu tư nông nghiệp của Công ty TNHH MTV cà phê cao Tháng 10 (cụ thể như Phương pháp kiểm kê kèm theo).

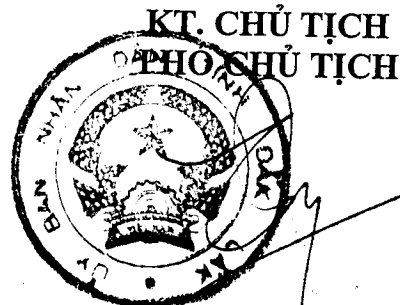
Điều 2. Công ty TNHH MTV cà phê cao Tháng 10 có trách nhiệm chủ động triển khai thực hiện kiểm kê đánh giá chất lượng vườn cây và suất đầu tư nông nghiệp đảm bảo đúng với các nội dung, phương pháp được duyệt và quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Công ty TNHH MTV cà phê cao Tháng 10 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng: KT, NN&MT;
- Lưu: VT, NN&MT(Đg-23b).



Y Giang Gry Niê Knong



PHƯƠNG PHÁP
KIỂM KÊ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VƯỜN CÂY
TẠI CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ, CA CAO THÁNG 10
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5913/QĐ-UBND ngày 30 /12/2016
của UBND tỉnh)

I. CƠ SỞ ĐỂ XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI VƯỜN CÂY

- Căn cứ Công văn số 1709/BNN-TT ngày 17/06/2011 của Bộ nông nghiệp & phát triển nông thôn về việc hướng dẫn đánh giá phân loại vườn cây Cà phê;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/04/2015 về việc hướng dẫn phương pháp xác định giá trị rừng trồng, vườn cây để sắp xếp, đổi mới & phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp;
- Căn cứ theo thực tế việc trồng, chăm sóc và kinh doanh cây Ca cao tại công ty TNHH MTV Cà phê - Ca cao Tháng 10.

II. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI TIÊU CHUẨN CÂY VÀ VƯỜN CÀ PHÊ VỚI

1. Đối với cà phê với chăm sóc kiến thiết cơ bản

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê trong vườn

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:
 - + Năm trồng mới: Chiều cao cây ≥ 50 cm, đường kính gốc ≥ 8 mm, số cặp cành cấp I ≥ 3 , lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, không bị sâu bệnh tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.
 - + Năm chăm sóc 1: Chiều cao cây $\geq 1,0$ m, đường kính gốc ≥ 25 mm, số cặp cành cấp I ≥ 12 , đường kính tán $\geq 1,4$ m, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.
 - + Năm chăm sóc 2: Chiều cao cây $\geq 1,2$ m, số cặp cành cấp I ≥ 18 , đường kính tán $\geq 1,8$ m, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, tán không bị trống phía dưới, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.
- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:
 - + Năm trồng mới: Chiều cao cây 35 - < 50 cm, đường kính gốc ≥ 6 mm, số cặp cành cấp I < 3, cặp lá thật ≥ 6 , màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, không bị sâu bệnh.
 - + Năm chăm sóc 1: Chiều cao cây ≥ 80 cm, đường kính gốc ≥ 16 mm, số cặp cành cấp I ≥ 10 , đường kính tán $\geq 1,2$ m, màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, có thể bị sâu bệnh nhẹ.
 - + Năm chăm sóc 2: Chiều cao cây $\geq 1,1$ m, số cặp cành cấp I ≥ 12 , đường kính tán $\geq 1,4$ m, màu sắc lá xanh đậm, sâu bệnh nhẹ.
- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê kiến thiết cơ bản

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:
 - + Năm trồng mới: Tỷ lệ cây sống $\geq 95\%$, cây loại A $\geq 90\%$, cây loại B 5 - 10%, cây loại C $< 5\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$.
 - + Năm chăm sóc 1: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.
 - + Năm chăm sóc 2: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.
- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:
 - + Năm trồng mới: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 60\%$, cây loại B $\geq 20\%$, cây loại C $< 20\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$.
 - + Năm chăm sóc 1: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.
 - + Năm chăm sóc 2: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.
- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của vườn cây thuộc 2 loại trên.

2. Đối với cà phê với kinh doanh (trồng bằng giống mới)

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:
 - + Cây sinh trưởng khỏe, tán cân đối, cành dự trữ nhiều, cây không bị khuyết tán;
 - + Lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại, không bị sâu bệnh hoặc bị không đáng kể;
 - + Năng suất quả tươi trung bình/cây ≥ 12 kg.
- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:
 - + Cây sinh trưởng bình thường, ít sâu bệnh, cành dự trữ khá, tán cây phân bố tương đối đều, độ che phủ đất không đều, chưa đạt yêu cầu như cây loại A.
 - + Màu sắc lá hơi vàng biểu hiện thiếu dinh dưỡng, ít sâu bệnh;
 - + Năng suất quả tươi trung bình/cây ≥ 9 kg.
- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:
 - + Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$;
 - + Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$;
 - + Năng suất quả tươi $\geq 12,5$ tấn/ha.
- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:
 - + Tỷ lệ cây sống $\geq 85\%$, cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$;
 - + Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$;
 - + Năng suất quả tươi ≥ 9 tấn/ha.
- + Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của vườn cây thuộc 2 loại trên.

3. Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê kinh doanh (trồng bằng giống cũ)

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây cà phê

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau:
 - + Cây sinh trưởng khỏe, tán cân đối, cành dự trữ nhiều, tạo hình và nuôi chồi hợp lý;
 - + Lá xanh đậm không bị sâu bệnh hoặc bị không đáng kể;
 - + Năng suất quả tươi/cây ≥ 11 kg.
- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:
 - + Cây sinh trưởng bình thường, ít sâu bệnh, cành dự trữ khá, tán cây phân bố tương đối đều, độ che phủ đất không đều, chưa đạt yêu cầu như cây loại A.
 - + Màu sắc lá hơi vàng biểu hiện thiếu dinh dưỡng, ít sâu bệnh;
 - + Năng suất quả tươi/cây ≥ 8 kg/cây.
- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn cà phê

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:
 - + Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$;
 - + Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 70\%$;
 - + Năng suất quả tươi ≥ 11 tấn/ha.
- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:
 - + Tỷ lệ cây sống $\geq 85\%$, cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$;
 - + Cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình 50 - 70%;
 - + Năng suất quả tươi ≥ 8 tấn/ha.
- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của 2 loại vườn cây trên.

III. TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI TIÊU CHUẨN CÂY VÀ VƯỜN CA CAO

1. Đối với ca cao chăm sóc kiến thiết cơ bản (áp dụng cho vườn ca cao trồng bằng giống mới chọn lọc).

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây ca cao trong vườn

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau
 - + Năm trồng mới: Chiều cao cây ≥ 80 cm, đường kính gốc ≥ 10 mm, số cặp cành cấp 1 ≥ 5 , lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, không bị sâu bệnh tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.
 - + Năm chăm sóc 1: Chiều cao cây $\geq 1,5$ m, đường kính gốc ≥ 35 mm, số cặp cành cấp 1 ≥ 15 , đường kính tán $\geq 1,5$ m lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.
 - + Năm chăm sóc 2: Chiều cao cây $\geq 1,8$ m, số cặp cành cấp 1 ≥ 20 , đường kính tán $\geq 1,8$ m, lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng, tán không bị trống phía dưới, sâu bệnh không đáng kể tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại.
- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới: Chiều cao cây $35 < 80$ cm, đường kính gốc $\geq 6 - 8$ mm, số cặp cành cấp 1 < 5 , màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, không sâu bệnh.

+ Năm chăm sóc 1: Chiều cao cây ≥ 1 m, đường kính gốc ≥ 30 mm, số cặp cành cấp 1 ≥ 10 , đường kính tán $\geq 1,2$ m, màu sắc lá có thể biểu hiện thiếu dinh dưỡng nhưng không đáng kể, có thể bị sâu bệnh nhẹ.

+ Năm chăm sóc 2: Chiều cao cây $\geq 1,5$ m, số cặp cành cấp 1 ≥ 15 , đường kính tán $\geq 1,5$ m, màu sắc lá xanh đậm, sâu bệnh nhẹ.

- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn ca cao kiến thiết cơ bản.

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới: Tỷ lệ cây sống $\geq 95\%$, cây loại A $\geq 90\%$, cây loại B 5-10%, cây loại C $< 5\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$.

+ Năm chăm sóc 1: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.

+ Năm chăm sóc 2: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.

- Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau:

+ Năm trồng mới: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 60\%$, cây loại B $\geq 20\%$, cây loại C $< 20\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$.

+ Năm chăm sóc 1: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.

+ Năm chăm sóc 2: Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$, cây che bóng, chắn gió, trồng xen theo quy trình $\geq 80\%$.

- Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

2. Đối với ca cao kinh doanh (áp dụng cho vườn ca cao trồng giống mới chọn lọc)

a) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn cây ca cao

- Cây loại A phải đạt được các chỉ tiêu sau

+ Cây sinh trưởng khỏe, tán cân đối, cành dự trữ nhiều, cây không bị khuyết tán;

+ Lá có màu xanh tươi phù hợp với giai đoạn sinh trưởng tại thời điểm kiểm tra, đánh giá, phân loại, không bị sâu bệnh hoặc bị không đáng kể;

+ Năng suất quả tươi trung bình/cây/ năm ≥ 25 kg.

- Cây loại B phải đạt được các chỉ tiêu sau

+ Cây sinh trưởng bình thường, ít sâu bệnh, cành dự trữ khá, tán cây phân bố tương đối đều, độ che phủ đất không đều, chưa đạt yêu cầu như cây loại A.

+ Màu sắc lá hơi vàng biểu hiện thiếu dinh dưỡng, ít sâu bệnh;

+ Năng suất quả tươi trung bình/cây/ năm ≥ 18 kg.

- Cây loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

b) Tiêu chí phân loại tiêu chuẩn vườn ca cao

- Vườn loại A phải đạt các chỉ tiêu sau

+ Tỷ lệ cây sống $\geq 90\%$, Cây loại A $\geq 65\%$, cây loại B $\geq 25\%$, cây loại C $< 10\%$.

- + Cây che bóng, chắn gió trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$;
- + Năng suất quả tươi $\geq 27,5$ tấn/ha
 - Vườn loại B phải đạt các chỉ tiêu sau
- + Tỷ lệ cây sống $\geq 85\%$, Cây loại A $\geq 50\%$, cây loại B $\geq 30\%$, cây loại C $< 20\%$.
- + Cây che bóng, chắn gió trồng xen theo quy trình $\geq 90\%$;
- + Năng suất quả tươi ≥ 19 tấn/ha
 - Vườn loại C: không đạt các tiêu chí tương ứng của cây thuộc 2 loại trên.

IV. KIỂM KÊ, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT VƯỜN CÂY

1. Đối với vườn cây chưa giao khoán sản lượng

- Kiểm kê, điều tra từng cây cà phê, ca cao để phân loại chất lượng cây và vườn cây cà phê; cây và vườn cây ca cao.
- Lấy sản lượng thực tế của 02 vụ liền kề và chất lượng vườn cây để xác định năng suất vườn cây các loại.

2. Đối với vườn cây đã giao khoán sản lượng

- Các vườn cây đã giao khoán sản lượng đều được kiểm kê, đánh giá, phân loại trước khi giao khoán. Nay Công ty tiến hành kiểm tra rà soát lại thực trạng vườn cây tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.
- Căn cứ theo kết quả kiểm tra vườn cây và sản lượng giao khoán để phân loại vườn cây.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban kiểm kê đánh giá vườn cây

- Trưởng Ban: Phó Giám đốc Công ty;
- Phó trưởng Ban: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty;
- Các thành viên gồm: Đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Kiểm soát viên, Đại diện Công đoàn, Đội trưởng đội sản xuất và người nhận khoán.

2. Tổ chức kiểm tra, đánh giá giá trị vườn cây

- Trên cơ sở tiêu chí phân loại cây và vườn cây, Ban kiểm kê đánh giá vườn cây tiến hành triển khai thực hiện kiểm tra đánh giá, phân loại chất lượng vườn cây.
- Căn cứ quy định tại Điều 12, Thông tư liên tịch số 17/2015/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 22/04/2015; Ban kiểm kê, đánh giá đánh giá vườn cây tiến hành xác định hệ số chu kỳ, hệ số khu vực của từng lô cụ thể.
- Đối chiếu kết quả kiểm tra, đánh giá, phân loại chất lượng vườn cây với sổ sách kế toán, trong trường hợp có sự sai khác thì phải ghi rõ nguyên nhân cụ thể.
- Kiểm tra, đánh giá phải lập bảng kê chi tiết làm cơ sở xác định giá trị vườn cây để cổ phần hoá doanh nghiệp kịp tiến độ quy định.

